

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của bộ trưởng bộ tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại luật đấu giá tài sản.

Căn cứ Thông tư số 108/2020/TT-BTC ngày 21/12/2020 v/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của bộ trưởng bộ tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại luật đấu giá tài sản.

Căn cứ thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

Căn cứ công văn số 1949/BTP-BTTP ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc triển khai thông tư số 02/2022/TT-BTP.

Căn cứ quyết định số 325/QĐ-PCĐN ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc áp dụng quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn của Tập đoàn Điện lực quốc gia Việt Nam (quy chế 09/QĐ-HĐTV ngày 28/01/2022 của EVN).

Căn cứ Quyết định số 2325/QĐ-EVN-SPC ngày 4/9/2024 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành quy trình thanh xử lý, nhượng bán tài sản trong Tổng công ty Điện lực miền Nam.

Căn cứ Quyết định số 1644/QĐ-PCĐN ngày 13 tháng 8 năm 2024 về việc ủy quyền ký duyệt các hồ sơ, hợp đồng, chứng từ thanh quyết toán của Giám đốc Công ty ủy quyền cho ông Lê Hoàng Trung - Chức vụ Phó Giám đốc Công ty.

Căn cứ Công văn số 7019/EVN-SPC-VT ngày 19 tháng 08 năm 2024 về việc đơn giá tối thiểu VTTB thanh xử lý.

Căn cứ Công văn số 8901/EVN-SPC-VT ngày 13/10/2024 về việc thông qua danh mục về chủng loại và số lượng VTTB, TSCĐ thanh lý đợt 1 năm 2024 theo văn bản số 7252/PCĐN-QLĐT+TCKT ngày 11/10/2024 của Công ty TNHH MTV ĐL Đồng Nai.

Căn cứ quyết định số 2089/QĐ-PCĐN ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc thanh lý vật tư thiết bị đợt 1 năm 2024.

Căn cứ quyết định số 2122/QĐ-PCĐN ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc phê duyệt hồ sơ lựa chọn tổ chức đấu giá thanh lý vật tư thiết bị đợt 1 năm 2024.

Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai thông báo về việc lựa chọn đơn vị

tổ chức đấu giá vật tư thiết bị thanh lý đợt 1 năm 2024 và tiêu chí lựa chọn như sau:

1. Tên, địa chỉ của người có tài sản bán đấu giá:

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai.

Địa chỉ: Số 01, KP1, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai. Điện thoại liên hệ: 0767341560 - 0251.2210233 (Hà Quang Vinh)

2. Thông tin về tài sản bán đấu giá:

Vật tư thiết bị thanh lý đợt 1 năm 2024 với danh mục, số lượng, chất lượng (theo phụ lục đính kèm) như sau:

STT	Tên lô hàng	Giá khởi điểm (chưa bao gồm thuế VAT)	Bằng chữ
1	Lô 1: Vật tư thiết bị thanh lý không thuộc chất thải nguy hại	5.804.097.941 VNĐ	Năm tỷ, tám trăm lẻ bốn triệu, không trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm bốn mươi một đồng
2	Lô 2: Vật tư thiết bị thanh lý thuộc chất thải nguy hại	478.510.730 VNĐ	Bốn trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm mười nghìn, bảy trăm ba mươi đồng
	Tổng cộng	6.282.608.671 VNĐ	Sáu tỷ, hai trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm lẻ tám nghìn, sáu trăm bảy mươi một đồng

Ghi chú: Mức thuế giá trị gia tăng VAT sẽ được áp dụng theo mức thuế suất thực tế mà nhà nước quy định tại thời điểm đấu giá thành công. Người mua được tài sản đấu giá có trách nhiệm nộp: Các loại thuế khác (nếu có), các loại chi phí, lệ phí sang tên và chuyển quyền sở hữu tài sản (nếu có). Chịu các loại chi phí bốc xếp, vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản theo quy định... từ thời điểm bàn giao tài sản

3. Tiêu chí đánh giá để lựa chọn tổ chức đấu giá như sau:

a. Tiêu chí bắt buộc:

TT	NỘI DUNG	
	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Đủ điều kiện
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Không

	<i>pháp công bố</i>	<i>đủ điều kiện</i>
--	---------------------	---------------------

b. Bảng tiêu chí, chấm điểm tổ chức đấu giá:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh	3,0

	<i>trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0

4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng	4,0

	<i>đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định:	5,0
1	Mức giảm thù lao dịch vụ (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính). Cách chấm điểm theo phương pháp nội suy: Tổ chức đấu giá tài sản có mức giảm thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) cao nhất chấm điểm tối đa: 3 điểm. (Trường hợp có 2 đơn vị trở lên có mức giảm thù lao dịch vụ đấu giá cao nhất bằng nhau thì chấm điểm bằng nhau). Tổ chức đấu giá tài sản có mức giảm thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính) thấp hơn được chấm theo phương pháp nội suy: điểm chấm = 3 điểm x (mức giảm thù lao dịch vụ đấu giá của tổ chức đấu giá đang xét/mức giảm thù lao dịch vụ đấu giá cao nhất).	3,0
2	Số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá theo hình thức đấu giá trực tuyến đã thực hiện trong năm trước liền kề. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, hoặc 2.3.	2,0
2.1	<i>Số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá theo hình thức đấu giá trực tuyến đã thực hiện trong năm trước liền kề nhiều nhất</i>	2,0
2.2	<i>Số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá theo hình thức đấu giá trực tuyến đã thực hiện trong năm trước liền kề nhiều thứ hai</i>	1,0
2.3	<i>Số lượng hợp đồng dịch vụ đấu giá theo hình thức đấu giá trực tuyến đã thực hiện trong năm trước liền kề nhiều tiếp theo.</i>	0
Tổng số điểm		100

4. Đánh giá, chấm điểm các tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- a) Tổ chức đấu giá tài sản được lựa chọn là tổ chức có tên trong danh sách tổ

chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố và phải có tổng số điểm chấm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại.

b) Trường hợp có từ 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm chấm cao nhất bằng nhau thì Đơn vị nào có mức giảm thù lao dịch vụ đấu giá tài sản cao nhất thì được lựa chọn.

c) Các trường hợp trừ điểm được quy định tại các khoản 4,5,6 và 7 điều 5 của thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

5. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nhận hồ sơ: Từ khi thông báo trên cổng thông tin điện tử của Bộ tư pháp <https://dgts.moj.gov.vn>;

- Thời gian kết thúc nhận hồ sơ: Hồ sơ phải được gửi đến chậm nhất 16h00 ngày 28/10/2024. Trường hợp gửi qua đường bưu điện, Hồ sơ được tính theo dấu bưu điện chậm nhất 16h00 ngày 28/10/2024. Nếu hồ sơ được gửi đến sau 16h00 ngày 28/10/2024 thì không hợp lệ và bị loại.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Hồ sơ được dán phong bì kín nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai (Phòng Quản lý Đấu thầu) - Địa chỉ: Số 01, Kp1, đường Nguyễn Ái Quốc, P. Tân Hiệp, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

- Sau khi lựa chọn được tổ chức đấu giá tài sản, Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai sẽ thông báo kết quả trên Cổng thông tin điện tử đấu giá Quốc gia của Bộ tư pháp <https://dgts.moj.gov.vn>, đồng thời chỉ thông báo bằng văn bản cho tổ chức đấu giá được lựa chọn, tất cả hồ sơ sẽ không hoàn trả.

- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai trân trọng thông báo để các Tổ chức đấu giá được biết và đăng ký tham dự.

Mọi vấn đề phát sinh xin liên hệ trực tiếp: Phòng Quản lý Đấu thầu - Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai - Điện thoại liên hệ: 0767341560 - 0251.2210233 (Hà Quang Vinh) .

Lưu ý: Tổ chức đấu giá tài sản gửi kèm theo hồ sơ: Bảng tự chấm điểm (trừ mục V: Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định); bảng báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản của tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề đã gửi Sở Tư pháp; các bảng liệt kê hợp đồng (theo phụ lục đính kèm).

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Cổng thông tin <https://dgts.moj.gov.vn> (để t/b);
- P.KHVT, P.TCKT, P.KTTTTPC;
- Lưu: VT, QLĐT (bản giấy -01).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Hoàng Trung

PHỤ LỤC

1. Bảng liệt kê tất cả các hợp đồng dịch vụ đấu giá đã thực hiện cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá trong năm trước liền kề:

STT	Số hợp đồng và ngày ký hợp đồng	Đơn vị có tài sản	Tên tài sản đấu giá	Giá khởi điểm (ĐVT: đồng)
..
Tổng cộng				

2. Bảng liệt kê tất cả các hợp đồng đấu giá thành đã thực hiện cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá trong năm trước liền kề:

STT	Số hợp đồng và ngày ký hợp đồng	Đơn vị có tài sản	Tên tài sản đấu giá	Giá khởi điểm (ĐVT: đồng)	Giá trúng đấu giá (ĐVT: đồng)	Chênh lệch giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (%)
..
Tổng cộng						

3. Bảng liệt kê tất cả các hợp đồng dịch vụ đấu giá theo hình thức đấu giá trực tuyến đã thực hiện trong năm trước liền kề:

STT	Số hợp đồng và ngày ký hợp đồng	Đơn vị có tài sản	Tên tài sản đấu giá	Giá khởi điểm (ĐVT: đồng)
..
Tổng cộng				